

Bản án số: 36/2025/DS-PT

Ngày: 13.02.2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng chuyển nhượng quyền
sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Võ Bảo Anh

Ông Nguyễn Chế Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Khương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 434/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 580/2024/QĐPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Trung H, sinh năm: 1953. (*vắng mặt*)

2. Bà Lê Thị N, sinh năm: 1955. (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Số B, đường A, KNCĐT khu vực 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thùy T – Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023. (*có mặt*)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số B, khu vực Bình Phó B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Bích T2. Địa chỉ: Số C, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: Số B, đường A, KNCDT khu vực 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

2. Ông Nguyễn Thanh T3 – chồng bà T1. Địa chỉ: C địa chỉ bị đơn bà T1. *(có mặt)*

3. Ông Trần Văn T4. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. *(vắng mặt)*

Đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Nhật T5 – Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024. *(vắng mặt)*

4. Văn Phòng C. Địa chỉ: Tổ F, khu V, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. *(có đơn xin vắng mặt)*

5. Văn phòng C1. Địa chỉ: Số C, đường L, khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. *(có đơn xin vắng mặt)*

6. Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Ngô Thanh V – Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2025 *(có mặt)*

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng TMCP Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà H, ông N trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Do chỗ quen biết, khi gặp khó khăn nên vợ chồng ông, bà có vay tiền bà Nguyễn Thị Thu T1 số tiền gốc 400.000.000 đồng, lãi suất 1,625% và đảm bảo cho số tiền vay thì bà T1 có yêu cầu vợ chồng ông, bà làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1001, tờ bản đồ số 08, diện tích 57,4m², tọa lạc tại Khu vực Bình Phó B, phường L, quận B, TP Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số BN 131632 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 28/12/2012 do ông, bà đứng tên. Quá trình vay vợ chồng ông, bà có đóng 02 tháng lãi suất (ủy quyền cho con gái tên Lê Thị Bích T2 đóng tiền lãi cho bà T1). Đến tháng 7/2023 vợ chồng ông bà thống nhất trả số tiền vay cho bà T1 để nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, do bà T1 hứa hẹn nhiều lần không thực hiện đúng thỏa thuận ban đầu, hơn nữa sau một tháng kể từ ngày vay thì bà T1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T4 nên nay vợ chồng ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông bà với bà Nguyễn Thị Thu T1, hợp đồng số 6953, quyền số 07/2022 ngày 01/12/2022 được công chứng tại Văn phòng C.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Thu T1 với ông Trần Văn T4 ngày 12/12/2022 được công chứng tại Văn phòng C1.

- Ông, bà đồng ý trả lại bà T1 số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định nhà nước từ tháng 02 đến tháng 7/2023 (05 tháng), lãi suất 1,625%/tháng.

- Buộc bà T1 thực hiện thủ tục sang tên đối với thửa đất trên cho vợ chồng ông bà.

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H bà N, bị đơn bà T1 có ý kiến như sau: Vào khoảng tháng 10/2022 bà Lê Thị Bích T2 là con ông H, bà N có đến gặp bà vay tiền số tiền 400.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản tiền vay thì ngày 21/11/2022 ông H, bà N ký văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 29/11/2022 ông H, bà N thống nhất để bà T1 thế chấp vay ngân hàng, tuy nhiên, do bà T1 không thực hiện được thủ tục vay nên bà T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T4 đứng tên vay vốn tại Ngân hàng. Sau đó, bà T2 là con ông H, bà N yêu cầu được chuộc lại thửa đất nhưng do ông T4 không đủ tiền tất toán cho ngân hàng. Nay bà T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N, tuy nhiên, riêng về lãi suất bà T1 yêu cầu ông, bà tiếp tục trả lãi suất theo quy định nhà nước là 1,125%/tháng từ tháng 6 đến tháng 8/2024 và lãi suất theo quy định cho đến khi trả xong số nợ trên.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày và yêu cầu:

- Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt Ngân hàng) đã ký với ông Trần Văn T6 tín dụng số 8294781.2219/12/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông Trần Văn T7 tiền 850000000850.000.000 Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa gạo, tạp hóa các loại Thời hạn vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày tín dụng được giải ngân hoặc tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên nếu tín dụng được giải ngân nhiều lần. suất tại thời điểm giải ngân: 13,5%/năm, lãi suất này sẽ được V1 chủ động điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,2%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: cuối kỳ. Ngày trả lãi: vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/01/2023. Ngày trả phí: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Ngày 21/12/2022 ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Văn T8 đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8294781.22

Căn cứ tại Điều 9.1.3, Khoản 9.1, Điều 9 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3236964.22.662 ngày 20/12/2022 Bên B (Bên thế chấp) sẽ bị coi là vi phạm nếu bên B là đối tượng của bất cứ vụ tranh chấp/kiện tụng nào mà theo nhận định của ngân hàng làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng thế chấp. Hiện ông Trần Văn T9 có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Thông báo thụ lý số 332/TB-TLVA ngày 11/12/2023 và Công văn số 806/TA.DS ngày 26/02/2024. Tài sản đang tranh chấp trong vụ kiện hiện đang là tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Trần Văn T4 tại ngân hàng. Xét thấy

việc tranh chấp trên ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng, vì vậy ngân hàng đã yêu cầu ông Trần Văn T10 thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng, tuy nhiên ông Trần Văn T11 không thực hiện.

Tạm tính đến ngày 19/8/2024, ông Trần Văn T12 nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là: 916.311.397đồng (*chín trăm mười sáu triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*) bao gồm: nợ gốc 850.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.910.027 đồng và lãi quá hạn 55.401.370 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1001tờ bản đồ số: 08địa chỉ: Khu vực Bình Phó B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ_gan_lien_tren_dat_1 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấtBN 131632số vào sổ cấp GCN QSDĐ: CH 06643EFIELD Noi_cap_GCN_1 Ủy ban nhân dân quận B 28/12/2012cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Văn T4 ngày 19/12/2022Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: FIELD So_cong_chung 5508quyển số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGDVăn phòng công chứng Lê Cẩm L, thành phố C ngày 20/12/2022Văn bản cam kết ngày 20/12/2022 Nay ngân hàng có đơn yêu cầu độc lập buộc ông Trần Văn T13 thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày no 19/8/2024là 916.311.397đồng (*chín trăm mười sáu triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*). Đồng thời, tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 20/8/2024 cho đến khi ông Trần Văn T14 toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký

Trong trường hợp ông Trần Văn T15 hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- Ông Trần Văn T4 có ý kiến như sau: Ông đồng trả nợ cho Ngân hàng theo yêu cầu. Ông sẽ trả cho bà T1 tiền đã vay 595.000.000đ và trả cho Ngân hàng để lấy giấy đất ký sang tên trả cho ông H, bà N.

- Văn phòng C: Việc ký công chứng cho việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông H, bà N với bà T1 là đúng quy định pháp luật.

- Bà Lê Thị Bích T2: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà N.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử công khai. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2024/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung H, bà Lê Thị N.

1.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do ông Lê Trung H bà Lê Thị N với bà Nguyễn Thị Thu T1 ký kết ngày 01/12/2022, số công chứng 6953, quyển số 07/2022/TP/CC/SCC/HĐGD của Văn phòng C và hủy Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị Thu T1, ông Nguyễn Thanh T3 với ông Trần Văn T4 ký kết ngày 12/12/2022, số công chứng 3896, quyền số 12/2022/TP/CC/SCC/HĐGD của Văn phòng C1 là vô hiệu.

1.2. Tuyên Hợp đồng thế chấp số 3239694.22.662 ngày 20/12/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trần Văn T4 là vô hiệu.

1.3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Cần Thơ thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BN 131632 số vào sổ cấp GCN QSDĐ: CH 06643 Ủy ban nhân dân quận B 28/12/2012 cập nhật chuyển nhượng cho ông Trần Văn T4 ngày 19/12/2022 điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Trung H, bà Lê Thị N theo quyết định của Tòa án.

2. Giải quyết hậu quả việc chuyển nhượng giữa ông H, bà N với bà T1 và việc chuyển nhượng giữa bà T1 với ông T4.

2.1. Buộc nguyên đơn ông Lê Trung H, bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 tổng số tiền 478.710.000 đồng (*bốn trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng*).

2.2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T4 tổng số tiền 727.193.922 đồng (*bảy trăm hai mươi bảy triệu một trăm chín mươi ba nghìn chín trăm hai mươi hai đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Q

3.1. Buộc ông Trần Văn T4 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền gốc và lãi tính đến 19/8/2024 là: 916.311.397 đồng (*chín trăm mười sáu triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*), bao gồm: nợ gốc 850.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.910.027 đồng, lãi quá hạn 55.401.370 đồng. Ngoài ra, ông T4 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng ngày 19/12/2022 do ông T4 đã ký kết với ngân hàng cho đến khi trả dứt số nợ trên.

3.2. Bác yêu cầu về việc phát mãi tài sản thế chấp đối với hợp đồng thế chấp số: 3236964.22.662 ngày 20/12/2022 là quyền sử dụng đất số BN 131632, số vào sổ CH 06643 do UBND quận B cấp ngày 28/12/2012 tại thửa số 1001; tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại khu vực Bình Phó B, phường L, quận B, TP . do vô hiệu.

4. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 04/9/2024, Ngân hàng TMCP Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản trong trường hợp ông T4 không trả được nợ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo của Ngân hàng.

- Bị đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Nguyễn Thanh T16 thống nhất án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, phía Ngân hàng khi thẩm định tài sản cho vay không ghi nhận ý kiến của nguyên đơn ông H, bà Nào là người có nhà đang ở trên đất thế chấp là không ngay tình theo quy định khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự nên vô hiệu. Đề nghị bác kháng cáo của Ngân hàng và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện, bị đơn bà T1 được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không đến, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng:

[2.1] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Dựa vào căn cứ văn bản thỏa thuận ngày 21/11/2022 thể hiện “..... bên A (ông H, bà N) chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 1001, tờ bản đồ số 08, diện tích 57,4m² cho bên B (bà T1) với giá chuyển nhượng 400.000.000 đồng. Lãi suất theo ngân hàng N1, nếu đến hạn mà bên A không đóng lãi theo đúng thỏa thuận này thì bên B được quyền bán tài sản để thu hồi vốn. Thời hạn nhận chuyển nhượng lại là 01 năm kể từ ngày 21/11/2022” và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn xác định giữa các bên chỉ là giao dịch vay tài sản, tuy nhiên, để đảm bảo cho khoản nợ vay thì các bên có thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đối chiếu theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch khác thì giao dịch giả tạo vô hiệu, còn giao dịch bị che giấu vẫn có hiệu lực”. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 01/12/2022 giữa nguyên đơn với bị đơn, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 9653, quyền số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu do giả tạo là có căn cứ, đúng quy định. Riêng văn bản thỏa thuận vay tài sản ngày 21/11/2022 có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/12/2022 giữa bị đơn bà T1 với ông T4: Giữa bà T1, ông T4 thừa nhận không có bàn giao đất khi chuyển nhượng, không xem xét thực tế đất và nhà, đồng thời, bà T1, ông T4 đều biết giao dịch giữa bà T1 với ông H, bà Nào

L1 vay tài sản và ông T4 biết ông H, bà N vẫn còn quản lý, sử dụng nhà đất. Mặt khác, bản chất của giao dịch giữa bà T1 và ông H cũng là vay tiền được thể hiện qua lời khai và các bên thừa nhận thống nhất tại phiên tòa sơ thẩm: Bà T1 trả cho ông T4 595.000.000đ, cộng lãi và ông T4 thêm tiền vào để lấy giấy đất ký sang tên cho nguyên đơn ông H, bà N. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/12/2022 giữa bà T1 với ông T4, được công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 3896, quyển số 12/2022-SCC-HĐGD cũng là vô hiệu theo quy định Điều 124 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Sau khi ông T4 nhận chuyển nhượng từ bị đơn bà T1, ông T4 dùng tài sản này thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng, nhưng khi ký hợp đồng thế chấp tài sản, ngân hàng không tiến hành xác minh nên không biết nguyên đơn ông H, bà N vẫn quản lý, sử dụng nhà đất. Ngân hàng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc nguyên đơn ông H, bà N biết có việc thế chấp tài sản này bằng cách ghi nhận ý kiến của ông H, bà N khi tiến hành thẩm định tài sản thế chấp. Như vậy, ngân hàng không phải là người thứ ba ngay tình theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự. Do đó, hợp đồng thế chấp tài sản cũng vô hiệu, nên yêu cầu kháng cáo đòi phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp ông T4 không trả được nợ là không đúng quy định nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về giải quyết hậu quả vô hiệu việc chuyển nhượng giữa ông H, bà N với bà T1 và việc chuyển nhượng giữa bà T1 với ông T4 do các bên không kháng cáo nên không xem xét.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là đúng quy định. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và xác định vô hiệu các hợp đồng chuyển nhượng, thế chấp và xử lý hậu quả của các hợp đồng bị vô hiệu là đúng nên giữ nguyên.

[4] Về chi phí tố tụng: Giữ nguyên như án sơ thẩm

[5] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Giữ nguyên như án sơ thẩm

[5.2] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ngân hàng không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã đóng 300.000 đồng biên lai thu số 0002943 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự sơ thẩm quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. TPCT;
- TAND quận Bình Thủy;
- CCTHADS quận Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh